

CỔ VẬT VIỆT NAM

NHỮNG ÔNG BÌNH VÔI SẢN XUẤT TẠI ANH

Nguyễn Quảng Minh, Nguyễn Mộng Hưng*
Margret J. Vlaar**

Vôi, thành phần chính thứ ba của miếng trầu truyền thống,⁽¹⁾ ban đầu được đựng trong những vỏ sò, vỏ hến. Ý tưởng đó xuất phát từ sáu mảnh sò *Anadana* còn đầy vôi thấy trong mộ bên những hài cốt có răng “nham nhở, cải mả” (stained, tin là do ăn trầu) ở hố mộ trong hang Duyong, đảo Palawan, Philippines. Niên đại của hố mộ này là khoảng 2660 năm trước CN, tức khoảng 4630 ± 250 trước ngày nay. (Oxenham *et al.* 2002: 912). Đây cũng là bằng chứng chắc chắn về khởi đầu của tục ăn trầu ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Ở ta, chưa có bằng chứng đáng tin nào về những đồ đựng vôi loại đó. Đồ đựng vôi xưa nhất, đoán là có liên quan đến tục ăn trầu là một hũ nhỏ, cao 7,5cm còn vết vôi trắng, trong sưu tập Clément Huet ở Bảo tàng Hoàng gia (Bỉ) về Nghệ thuật và Lịch sử, Brussels, Bỉ; hũ đã được phát hiện trong một mộ Hán ở Thanh Hóa, niên đại, theo Huet, là vào đời Tống (960-1279).



Hình 1. Hũ gốm còn vết vôi trắng trong lòng (Cl. Huet, 1941).



Hình 2. Ông bình vôi với miệng rộng, hình trứng, đóng ở giữa thân bình.

Ông bình vôi chính cống (có miệng rộng hình trứng [oval]), sớm nhất có thể cũng là ông có trong sưu tập Huet nói trên. Ông này dáng bẹt (cao 5,62cm), không quai, miệng nằm ngay ở bụng thân bình (đường kính lớn [ngang] - 3,04cm, đường kính nhỏ - 2,05cm); trong khi chiều ngang thân bình chỉ có 6,61cm. Tỷ lệ đường kính miệng/chiều ngang thân là 45,99%,

* Thành phố Hà Nội.

** Utrecht, Hà Lan.

cao nhất trong sưu tập Huet và có lẽ cũng là cao nhất từ trước tới nay. Ông này tráng men ngà trắng, rạn chân chim; do Huet thu được ở Thanh Hóa và định niên đại cũng vào đời Tống. Lúc này có thể chưa có chừa (thìa, que) vôi, người ăn trầu thò ngón tay vào quẹt lấy vôi tôi (slaked lime) đựng trong bình. Chỉ những “ông tây, bà đầm” (outsider), chưa một lần nhìn thấy ông bình vôi trong đời sống hằng ngày mới cả gan viết là “bình vôi để đựng vôi [tán] bột (powdered lime)”. Hơn nữa người Việt chúng ta tin rằng ăn trầu với vôi bột hay vôi (tôi) bị vữa sẽ bị phỏng (bỏng) miệng.

Từ đó ông bình vôi của chúng ta đã phát triển theo một hướng hoàn toàn khác với các nước láng giềng cũng ăn trầu như Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar... Cái khác giữa chúng ta với họ là về:

1. Chất liệu (của họ thường bằng kim loại, đồ gốm sứ trước đây có nhưng nay không còn phổ biến);

2. Hình dáng (của họ thường hình tháp mô phỏng tháp chùa, có nắp; có khi gần giống những bình vôi bằng sành, không quai ở miền Trung nước ta. Riêng Campuchia trước đây có nhiều bình nhỏ hình thú);

3. Kích thước (của họ thường nhỏ hơn, có chiều hướng như ống vôi ở ta. Riêng Myanmar hay dùng những bình rất lớn);

4. Hoa văn trang trí (của họ trang trí hình kỷ hà là chính, chưa thấy có hình vẽ theo tích truyện);

5. Nước men gốm của họ cũng đơn điệu hơn. Nhiều khi lại là đồ mộc.

Ở nước ta, thân ông bình vôi phát triển lớn dần, cao lên và rồi có dáng như quả cau; sau đó thêm quai (từ thấp, dạng thú cách điệu đến cao với trang trí râu cau và quả cau ở nơi tiếp xúc với thân bình), miệng tròn dần và đóng ở vị trí tương đối cao hơn; chân bình thấp, dáng tam giác hay hình đĩa và rộng...

Nhằm đáp ứng yêu cầu lớn của người ăn trầu vốn chiếm một tỷ lệ rất cao trong nhân dân hồi đó, bình vôi được *sản xuất tại chỗ*, theo những nghi thức quy định, phù hợp với vị trí tâm linh của ông bình vôi trong đời sống hằng ngày.⁽²⁾ Việc lưu thông qua thương mại thường không vượt xa hơn phạm vi phủ huyện. Vì vậy, có bình vôi đất nung, có bình vôi sành, rồi gốm thô, gốm mịn, sứ... Nước men phủ ông bình vôi cũng rất đa dạng, phụ thuộc vào nơi sản xuất: ngà trắng, ngà vàng, men rạn, da lươn, da lươn vàng, men chín, tiết dê... *Dòng ông bình vôi dân dã* thì trang trí hoa lá cách điệu, đơn sơ, vẽ bằng bút lông là chính với men màu (chủ yếu là lam hoặc nâu) dưới men. *Dòng ông bình vôi quyền quý* hình thành với khuynh hướng hưởng lạc vào thời vua Lê - chúa Trịnh (rõ nhất từ thế kỷ 18 trở về sau). Những ông bình vôi dùng trong dinh thự, cung điện được sản xuất riêng, ở một số nơi như Bát Tràng, Biên Hòa...

Khi triều Thanh cho phép vua quan ta đặt đồ sứ quan dụng tại các quan đạo, chủ yếu ở Cảnh Đức trấn,⁽³⁾ tỉnh Giang Tây (Trung Quốc) có thể một số ông bình vôi cũng nằm trong những đồ đặt làm này. Nhưng ông

bình vôi đặt làm tại Trung Quốc chỉ chắc chắn nhất là vào thời nhà Nguyễn Gia Long; trong số này có ông men lam (*bleu de Huế*) rất đặc biệt, vẽ tích *Tùng lâm trung xuân sắc* kèm hai câu thơ mở đầu bài ngũ ngôn tứ tuyệt *Tâm ẩn giả bất ngộ* (尋隱者不遇) của nhà thơ nổi tiếng Giả Đảo (賈島, 779-843) đời Đường (618-907).

Không thỏa mãn với “đồ Tàu”, nhân có sứ bộ sang Pháp và Anh đầu năm 1840 vua Minh Mệnh (1820-1840) cũng giáng chỉ cho đặt làm nhiều đồ sứ, trong đó có ông bình vôi tại lò gốm nổi tiếng Copeland & Garrett ở Stoke-on-Trent, Anh.

Jabouille P. và Peysonnaux J.-H. (1929: hình XXX) là những người đầu tiên mô tả (sơ sài) một trong những ông loại trên: “*bình [vôi] sứ trắng hoa văn đa thái. Sản xuất tại Anh cho An Nam. Nghệ thuật Anh. Đầu thế kỷ 19. Thương hiệu Copeland & Garrett. Cao 18cm, đường kính chân đế 11cm. Nhận từ tỉnh Thừa Thiên. [Số] đăng ký: M.K.D. 653*”. M.K.D. là viết tắt từ Musée Khải Định, tiền thân của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện nay. TS Trần Đức Anh Sơn (trao đổi riêng, tháng 5 năm 2007) cho biết thêm, không nêu xuất xứ: “... *hình trang trí thuộc hệ đề tài tranh Bách cổ của Trung Quốc gồm một con chim phượng đậu trên một cái kệ, gần bình hoa, chậu và mâm quả...* [Đó là] *hoa văn Áo Môn (Macau), số B. 612, được đăng ký lần đầu tiên trong hồ sơ của lò Spode khoảng năm 1839-1840. Hiệu đề [minh văn] của cái bình này là Copeland & Garrett theo hình tròn, New Blanche giữa hình tròn và một cái mũ miện. Hiệu đề phổ biến được sử dụng trên đồ gốm men trắng này đã có từ năm 1838 đến năm 1847. Hoa văn Áo Môn được chọn vì cùng loại với họa tiết được vua Minh Mệnh cho vẽ trên đĩa tráng men Spode.*”

Để tiện trình bày, chúng tôi tạm gọi ông này là Anh 1.



Hình 3. Ông bình vôi Anh 1 ở Bảo tàng Khải Định, Huế (M.K.D. 653).



Hình 4. Ông bình vôi Anh 2.
4a. Mặt trước. 4b. Minh văn dạng dấu.

Hình màu của Jabouille và Peysonnaux cho biết ông Anh 1 này có quai cong hình cầu, tai cao, cong vênh với trang trí râu cau cách điệu nổi trên

thân bình, núm vú nhọn trên thân bình hình cầu, hoa văn đa thái, miệng nhỏ, tròn vo, đóng ở giữa thân và còn vết vôi trắng bám quanh; chân đế dạng tam giác.

Hiện nay không biết tung tích của ông Anh 1 này cũng như của một ông khác, tạm gọi Anh 2 và đã được mô tả trong bài báo năm 1941 của Clément Huet, theo đó bình vôi có trang trí hoa vẽ bằng men lam; mình văn gồm một ruban ngoằn ngoèo ghi hai chữ Saxon Blue, bên dưới có một vương miện với ba chữ Copeland & Garrett cuốn quanh. Có vẻ như mình văn này vừa là dấu đóng (vương miện và tên lò) vừa là vẽ tay.

May mắn là chúng ta còn ba ông bình vôi nữa sản xuất tại Anh và đang được bảo quản ở Việt Nam.

Trước hết là ông không có mình văn (?), đăng ký dưới số BTH 1679 Gm 4639 tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và tạm gọi là Anh 3. Quai hình khối chữ nhật (1,7cm x 2,3cm) vòng cung, tai cong vênh, hai đầu quai trang trí mỗi bên, hai râu cau cách điệu, đắp nổi. Núm vú nhọn, tròn. Thân hình cầu, vẽ cả mặt trước lẫn mặt sau, nhiều dây hoa lá với một chim trĩ đứng ở giữa mặt trước cùng một lông đuôi rời về bên phải miệng (nhìn từ ngoài vào) và một chim công đứng ở giữa mặt sau. Miệng tròn vo, nhỏ (đường kính 1,5cm) đóng ở nửa trên thân bình. Chân đế gần như thẳng đứng trang trí hoa lá nhiều màu, mép chân đế có viền gờ nổi rõ. Đáy đặc nhưng lòng hơi cong lõm, tráng men trắng sữa nhưng vẫn thấy rõ nhiều vòng đồng tâm, vết tích của bàn xoay; mép đáy trần, rộng khoảng 0,7cm. Hiện trạng: quanh miệng còn một vòng vết vôi trắng; quai và tai, cả hai bên, đều có bịt kim loại trắng; mép chân đế bị sứt mẻ nhiều ở mặt trước. Theo Trần Đức Anh Sơn, ông Anh 3 này có mình văn: “*Đáy bình có ghi hiệu đề [mình văn] ‘Copeland & Garrett’ theo hình tròn, ‘late Spode’ ở giữa hình tròn và tên chất liệu ‘New Fayence’ trong một dải ruy băng. Hiệu đề ‘New Fayence’ đã được sử dụng từ năm 1838 đến 1847.*” Tuy nhiên, dựa vào hình 5c chụp đáy bình Anh 3, chúng tôi phân vân không rõ ‘hiệu đề’ nằm ở đâu?



Hình 5. Ông bình vôi Anh 3 ở Bảo tàng Cổ vật Cung Đình Huế.

5a. Mặt trước với chim trĩ và một lông đuôi rời.

5b. Mặt sau với chim công.

5c. Đáy bình tráng men trắng (hay sơn trắng ?).

Một ông bình vôi khác, tạm gọi Anh 4, cũng được sản xuất tại Anh và đang được bảo quản với số đăng ký BTLS. 15182 tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam TP Hồ Chí Minh. Ông này vốn thuộc sưu tập của cụ Vương Hồng Sển với số 1188. Quai bình, tai quai và miệng bình không khác nhiều so với ông Anh 3 ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Núm tròn nhọn nằm trong một vòng tròn nổi gờ. Riêng hoa văn hoàn toàn khác: ở quai và chân đế là một dải những chóp chấm một màu xanh đậm; ở thân là nhiều cụm hoa lá nhiều loại, nhiều màu rất sinh động mà không cụm nào giống cụm nào, nền cho hai cụm hoa lớn ở nửa trên thân bình là dây song rào cách điệu và cũng màu xanh đậm. Chân hơi choãi, mép chân cũng có gờ nổi. Đáy đặc, cong lõm vào và không tráng men. Minh văn đóng dấu, màu xanh lá cây sẫm, gồm một vương miện bên dưới có vòng chữ Copeland & Garrett, giữa vòng chữ đó có hai chữ New Fayence (có vẻ viết tay) kiểu chữ in, thành hai dòng. Thai cốt sứ trắng, nước men trắng bóng.



Hình 6. Ông bình vôi Anh 4, vốn trong sưu tập Vương Hồng Sển.

6a. Mặt trước.

6b. Mặt sau.

6c. Đáy bình.

6d. Trang trí hoa lá ở nửa dưới thân.

6e. Một trong bốn râu cau cách điệu đắp nổi.

6f. Minh văn đóng dấu và hai chữ viết thêm.

Ông bình vôi cuối cùng của loại này, tạm gọi Anh 5, thuộc về sưu tập của ông Trần Đình Sơn (TP Hồ Chí Minh). Quai bình vẫn cong hình cung, tai quai vẫn vênh ra với hai gạch lượn sâu. Núm vú nhọn. Thân hình cầu. Miệng tròn vo, nhỏ, nằm ở nửa trên thân bình. Chân dạng đứng, gần giống dạng chân điển hình của ông bình vôi Bát Tràng. Hoa văn trang trí của ông

này đơn giản mà đặc sắc: ở quai là hình sóng nước màu xanh thiên lý có điểm xuyết ba bông hoa cách điệu, nhiều màu; họa tiết sóng nước với bông hoa còn được lặp lại ở vai thân bình và ở chân đế; riêng miệng ông được trang trí hai dải dây uốn cong bao lấy miệng; trang trí này được lặp lại một cách đối xứng ở mặt sau thân bình. Ở hai cạnh bình, vẽ đề lên hai râu cau đắp nổi là một dây hoa lá, hoa vỏ trứng (egg-shell [flower]) màu hồng, hoa pick-pick cánh xanh nhụy đỏ... Minh văn một màu gồm Copeland & Garrett trình bày kiểu chữ in theo hình tròn, giữa vòng chữ là Late Spode kiểu chữ in thành hai hàng, vòng chữ đó dựa trên một “chân đế” gồm hai dải ruban cong với chữ kiểu in New Fayence, đầu mỗi dải đều có trang trí, ba lá cách điệu (ngay dưới chữ Spode) hoặc hoa hai cánh (ở hai đầu mút ruban). Đặc biệt giữa tâm đáy bình Anh 5 này có một vòng tròn đúc nổi, đường kính khoảng 1cm, tâm vòng tròn có một điểm nổi (thấp hơn vòng tròn) đường kính khoảng 1,2mm.



Hình 7. Ông bình vôi trong sưu tập của Trần Đình Sơn.

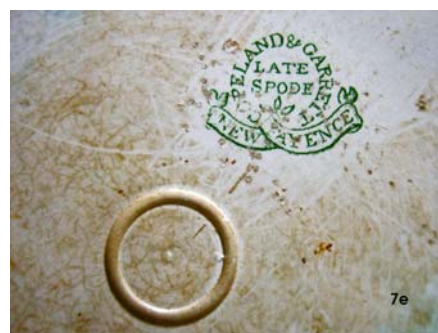
7a. Mặt trước.

7b. Mặt sau.

7c. Đáy bình.

7d. Dây hoa bên thân bình

7e. Minh văn dấu và vòng tròn nổi.



Như vậy cho đến nay (tháng 12 năm 2008), chúng tôi đã gom được thông tin về 5 ông bình vôi sản xuất tại những lò gốm Spode, ở Stoke-on-Trent, Anh. Hai ông bị thất lạc và ba ông khác đang được bảo quản cẩn thận. Chúng tôi nghĩ 5 ông này sản xuất tại Anh là dựa trên ba minh văn rõ ràng (ở các ông Anh 2, 4 và 5) và, đối với ông Anh 1, thất lạc, hiện không nhìn thấy minh văn, là dựa vào thông tin của hai người có trách nhiệm: Jabouille P. Khâm sứ Trung Kỳ kiêm Giám đốc Hội đồng điều hành Bảo tàng Khải Định và Peysonnaux J.-H. quản thủ Bảo tàng Khải Định. Đối với ông Anh 3, không nhìn thấy minh văn ở Bảo tàng CVCD Huế, là

dựa vào sự so sánh hình dáng, hoa văn và nước men với những ông có minh văn. Trong hồ sơ của Spode Potteries không còn gì liên quan đến việc sản xuất ông bình vôi cho vua quan ta.

Có thể đã sản xuất nhiều hơn năm ông chẳng? Không ai đưa ra được câu trả lời có cơ sở.

So sánh hiện vật, hình ảnh chụp cùng những thông tin liên quan, chúng tôi tạm có những nhận xét bước đầu sau.

1. Kích thước cùng hình dáng chung cho phép nhận ngay đó là ông bình vôi theo kiểu Việt Nam. Hơn nữa, chúng giống như những ông sản xuất tại Trung Quốc hay ở trong nước thuộc dòng quyền quý, cuối thế kỷ 18 và thế kỷ 19.

2. Khi xem hình hoặc tiếp xúc với những ông bình vôi trên, nét đập ngay vào mắt người Việt là hình dáng quai bình, miệng bình và hoa văn trang trí.

2.a. Quai bình vôi là một chi tiết chỉ có ở những đồ đựng vôi (lime container) Việt Nam. Chỉ những ông bình vôi dòng dân dã theo chiều hướng Chăm (phần lớn bằng sành) thì quai mới có hình nắm (hình 9d) còn những ông khác đều có quai cong bẹt (hình 9a). Phần lớn những ông sản xuất tại Trung Quốc đều có quai hình cánh cung, cao hay thấp tùy theo lò gốm (hình 9b). Riêng những ông sản xuất tại Anh lại có quai hình tròn, giống như quai lẵng hoa thời Victoria (hình 9c). Chất lượng nguyên liệu (sét thô, sét mịn hay kaolin...), trình độ kỹ thuật của lò gốm và trình độ tay nghề cùng khuynh hướng nghệ thuật của ông/bà thợ gốm sẽ ảnh hưởng đến quai ông bình vôi. Tất nhiên trang trí hoa văn trên quai cũng như hình dạng tai quai và trang trí trên đó còn thay đổi muôn hình vạn trạng.⁽⁴⁾



Hình 8. Ông bình vôi Anh 5 và nguyên mẫu (theo Trần Đình Sơn).

2.b. Hình dáng, độ lớn và vị trí của **miệng ông bình vôi** nói lên rõ rệt nơi và cả niên đại sản xuất. Thông thường một ông bình vôi chỉ được sử dụng trong nhiều nhất 5 - 7 năm. Miệng ông bị vôi khô bịt lại, làm tắc lại là phải thỉnh ông mới. Chủ nhà lại thậm chí mong miệng ông chóng bị bịt lại vì điều đó chứng tỏ chủ nhà rộng rãi và hiếu khách, vì vậy cũng sẽ giàu sang hơn. Với niềm tin như vậy nên miệng những ông do thợ gốm người Việt sản xuất đều rộng (trước hình trứng sau cũng tròn hoặc hơi bị méo do *đóng* [nằm] trên thân bình dạng cầu) và nằm trên vai bình. Thợ gốm Trung Quốc thường không ăn trâu nên làm miệng bình nhỏ, tròn vo và nằm cao trên



Hình 9. Những dạng quai bình vôi Việt Nam.

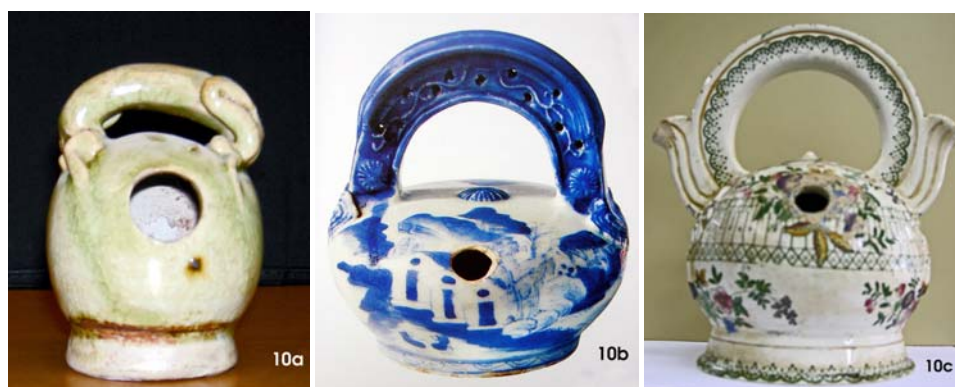
9a. Dạng quai truyền thống.

9b. Dạng quai sản xuất tại Trung Quốc.

9c. Dạng quai sản xuất tại Anh.

9d. Dạng quai hình nấm (dòng dân dã, chiều hướng Chàm).

vai bình. Thợ gốm Anh càng lạ lẫm với ông bình vôi Việt Nam nên chúng ta mới thấy những miệng bình 'không giống ai' như ở các bình vôi từ Anh 1 đến Anh 5. Tỷ lệ đường kính miệng/chiều ngang thân bình chỉ quanh quẩn trong 12,3% và 12,5% ở các bình vôi Anh trong khi 36% ông bình vôi Việt Nam có tỷ lệ đó trong khoảng 15 - 25%. Loại có tỷ lệ đó dưới 15% rất hiếm.



Hình 10. Những hình dáng, độ lớn và vị trí của miệng ông bình vôi Việt Nam.

10a. Ở ông bình vôi dòng dân dã.

10b. Ở ông sản xuất tại Trung Quốc.

10c. Ở ông sản xuất tại Anh.

2.c. Hoa văn trang trí trên ông bình vôi, chủ yếu trên thân, xuất hiện từ khoảng thế kỷ 18 về sau. Hoa lá cách điệu vẽ bằng bút lông với men lam (nhiều sắc độ khác nhau) dưới men trắng ngà là đặc điểm trang trí của thợ gốm Việt Nam (hình 11a). Trang trí của thợ gốm Trung Quốc mang rõ sắc thái “tranh thủy mặc” Tàu với men lam đơn thái và thường theo những đề tài kinh điển như *Khương Thượng điệu ngư*, *Giang biên tống tiên...* (các hình 11b-1 và 11b-2). Thợ gốm Anh đưa phong cách hiện thực tả chân vào trang trí thân ông bình vôi. Nhìn hình 11c, chúng ta có cảm giác như đang xem hoa thiết trong một lẵng hoa, màu sắc sặc sỡ, tươi rói, nét vẽ uyển chuyển, mềm mại, hình khối hài hòa, cân đối, bố cục chặt chẽ. Hoa văn ở mỗi ông một khác nhưng gam màu là một. Có lẽ màu sắc tươi, sặc sỡ, đôi khi đến mức chói chat là thị hiếu đương thời trong vua quan Việt Nam nếu ta chú ý đến những mảnh sứ đa thái, đập vỡ để trang trí các dinh thự, đặc biệt các lăng tẩm. Có lẽ chỉ ông Anh 2 (đang thất lạc) được trang trí một màu Saxon Blue!



Hình 11. So sánh hoa văn trang trí trên thân ông bình vôi.

11a. Hoa lá cách điệu trên ông bình vôi dòng dân dã.
11b-1 và 11b-2. Tranh thủy mặc đơn thái trên ông bình vôi sản xuất tại Trung Quốc.
11c. Hoa lá đa thái vẽ hiện thực trên ông bình vôi sản xuất tại Anh.



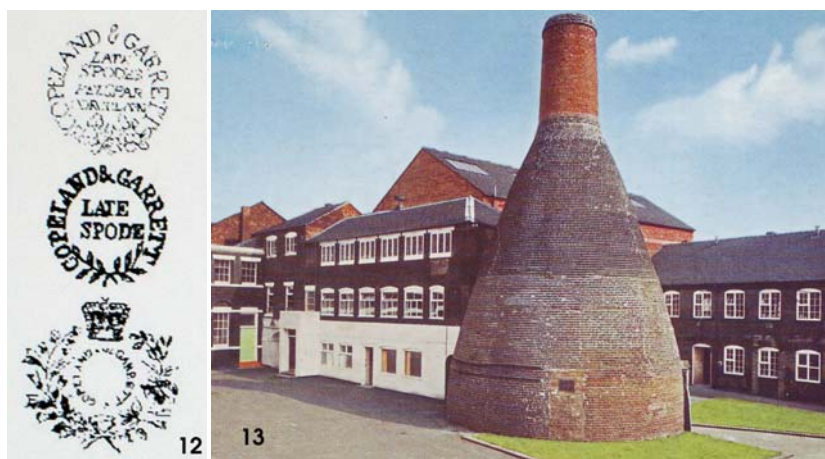
2.d. Chân đế những ông bình vôi sản xuất tại Anh đều đặc, giống như những ông sản xuất tại Trung Quốc nhưng hoàn toàn khác những chân đế rỗng của các lò gốm ta. Mép chân đều có viền gờ nổi rõ. Thấy rõ hai dạng chân: thẳng ở các ông Anh 1 và Anh 5; ở các ông khác chân có dạng xòe (choãi).

Hình dạng núm vú, thân bình cũng vượt ra ngoài cái “quen mắt” của người Việt nhưng không đến mức gây chú ý đặc biệt.

3. Chúng ta thấy hình ảnh rõ ràng của ba minh văn. Trong khi vẫn còn có dấu hỏi với minh văn của ông Anh 1 và ông Anh 3. Ba minh văn này đều là thương hiệu dưới dạng dấu chấm men rồi đóng lên đáy “con thô” (bán thành phẩm, trước khi nung). Ngoài con dấu, người thợ vẽ còn viết cẩn thận thêm một hai chữ nói lên chất lượng và tính độc bản của sản phẩm. Thành phần chính bao giờ cũng thấy là tên lò sản xuất Copeland & Garrett cùng với hình vương miện. Thành phần bổ sung hoặc nói về nguyên liệu như New Fayence ở bình Anh 5 hoặc nói về hoa văn trang trí như Saxon Blue ở bình Anh 2. Minh văn điển hình của lò gốm Copeland & Garrett trong thời gian đó được trình bày ở hình 12. Khi nhận được cả ba minh văn ở ta, bà Pam Woolliscroft, phụ trách văn phòng Bảo tàng Spode, rất ngạc nhiên về sự độc bản (uniqueness) và đa dạng của chúng rồi kết luận, những minh văn thương hiệu này thật hiếm (trao đổi riêng với tác giả thứ nhất, tháng 7 năm 2007).

Hình 12. Những minh văn dấu điển hình của lò Copeland & Garrett trong các năm 1833-1847.

Hình 13. Một trong những lò có thể đã nung ông bình vôi cho ta.



Những số đo chính của năm ông bình vôi (OBV) sản xuất tại Anh.

Chỉ tiêu (cm)	OBV Anh 1 (Musée KĐ)	OBV Anh 2 (Cl. Huet)	OBV Anh 3 (BTCVCĐ Huế)	OBV Anh 4 (VHSổn)	OBV Anh 5 (TĐSơn)
Chiều cao	18,0	18,5	17,0	18,32	18,40
Đường kính chân	11,0	-	11,0	11,49	11,2
Đường kính thân	-	-	12,2	12,42	12,38
Đường kính miệng	-	-	1,5	1,55	1,54
Đk miệng/đk thân (%)	-	-	12,29	12,47	12,44

4. Tất cả chỉ có năm ông bình vôi, trong đó có hai ông thất lạc nên không thể có đủ những thông tin cần thiết (chẳng hạn như chụp 6 kiểu ảnh cơ bản) nhưng chúng ta cũng thấy, mỗi ông một vẻ, một khác nhau về hình dáng, tai quai, chân đế, minh văn và nhất là họa tiết trang trí. Dù vậy vẫn có thể chia thành hai nhóm: nhóm chân thẳng, tai vênh (các ông Anh 1 và Anh 5) và nhóm chân xòe, tai thấp (các ông còn lại). Có thể đoán là thợ gốm ở lò Spode đã sản xuất theo hai mẫu (prototype) khác nhau và cả hai mẫu này đều là đồ ký kiểu từ Trung Quốc.

5. Năm ông sản xuất tại Anh có nhiều điểm giống phần lớn những ông

do vua quan ta đặt làm tại Trung Quốc: 1) Thân hình cầu; 2) Quai cao, hình vòng cung; 3) Tai quai lớn, cong vênh; 4) miệng tròn vo, nhỏ, đóng ở phần trên thân bình; 5) Trang trí theo khuynh hướng nghệ thuật của từng nước (Trung Quốc - thủy mặc, Anh - hiện thực).

6. Không có bằng chứng chắc chắn nào về kỹ thuật sản xuất năm ông bình vôi trên. Bà Woolliscroft cho biết kỹ thuật thường dùng là đổ kaolin lỏng vào khuôn đúc, sau đó dùng bàn xoay hoàn chỉnh bán thành phẩm. Những đường tròn đồng tâm ở đáy ông Anh 3 ủng hộ ý kiến này. Quai, tai quai và chân đế được vào (lắp) sau nên hình dạng những chi tiết này ở mỗi ông một khác. Nhưng men, trang trí làm riêng và tùy thuộc sáng tạo của người vẽ hoa. Như vậy có thể nói, người ta đã sản xuất riêng từng ông một từ thân bình đúc hàng loạt, cũng gần như thợ gốm Việt Nam đã tạo ông từ nhiều thế kỷ nay. Điểm khác nhau là ta *chuốt từng ông* (nặn) còn họ đúc nhiều ông một lúc!

* * *

Tóm lại, lò gốm Copeland & Garrett ở Stoke-on-Trent, Anh thực sự có sản xuất ông bình vôi cho vua quan ta, có thể trong các năm từ 1840 đến 1847. Họ dùng hai mẫu hình Trung Quốc và có thể nói, làm từng ông một theo chất liệu và kỹ thuật tại chỗ, trang trí nhiều màu theo khuynh hướng nghệ thuật hiện thực. Cho đến nay, biết là có năm ông, hai ông thất lạc và ba ông có địa chỉ rõ ràng. Còn nữa hay không? Chúng tôi chờ câu trả lời. Do ít nên quý. Ngay từ giữa thế kỷ 20, Cl. Huet đã kết luận: “*ông bình vôi bằng sứ với họa tiết lam và đa thái, làm ở Anh cho Việt Nam theo mẫu bình Trung Quốc. Những bình này có minh văn Copeland & Garrett (1835-1847)*”⁽⁵⁾ và trở nên đặc biệt hiếm.”

Nhưng cụ Vương cổ ngoạn lại nghĩ khác. Cụ viết (2003: 90-91): “... tôi khuyên ta là Việt Nam nhơn, thì tốt hơn đừng quăng tiền mua đồ Tàu, đồ Pháp và nên mua những vật vĩnh như sau: Tô, đĩa, chén “Mai Hạc” với câu Nôm... hoặc tô nhỏ hiệu chữ Nhứt, bốn câu... hoặc tô của Đặng Huy Trứ đặt làm có 8 câu 5 chữ... hoặc đĩa trà đề hiệu... hoặc đĩa “Vất chân nằm ịch...” hoặc những sứ cổ, có đề hiệu... Theo tôi [VHS] đó mới thật là đồ “gia bảo”, “quốc bảo”, rất có giá trị, chớ mua đồ bằng ngọc (jade) hoặc đồ Tây phương (bình vôi Ang-lê) hay đồ Tống, là của ngoại bang, ích gì?” (Nhấn mạnh của người viết)*

N Q M - N M H - M. J. Vlaar

CHÚ THÍCH

1. Chúng tôi phân biệt *miếng trầu truyền thống* với ‘*miếng*’ trầu hiện đại. Miếng trầu truyền thống gồm miếng cau (*Areca catechu* L.) tươi hoặc khô, một nửa hoặc cả lá trầu không (*Piper betle* L.) tươi và vôi tôi; tùy theo địa phương có thể thêm miếng vỏ (vỏ cây chay

* Các tác giả xin chân thành cảm ơn sự cộng tác hữu hiệu và sự giúp đỡ quý báu của quý bà Trần Thị Thanh Đào (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, TP Hồ Chí Minh), Miriam Lambrecht (Musées Royaux d’Art et d’Histoire, Brussels), Pam Woolliscroft (Spode Museum Trust, Stoke-on-Trent) và các ông Nguyễn Đình Chiến (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội), Trần Đình Sơn (TP Hồ Chí Minh), Trần Đức Anh Sơn (nguyên Giám đốc Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế).

Artocarpus tonkinensis A. Chev.) tươi hoặc khô hay vè thuốc Lào (hay thuốc lá); rất hiếm thấy thêm chất kích thích như quế (*Cinnamomum loureirii* Nees), hồi (*Illicium verum* Hook.f.)... 'Miếng' trầu hiện đại là sản phẩm chế biến công nghiệp, thường được gọi là pan masala (= trầu ướp hương), sản xuất chủ yếu tại Ấn Độ và Pakistan, bán ra khắp thế giới. Thành phần chính của pan masala là hạt cau, vôi, cachou, nhục đậu khấu (*Myristica fragans* Houtt.), menthol và nhiều chất thơm [kích thích] khác mà nhà sản xuất không tiết lộ. Dân Ấn Độ, Pakistan ở trong nước và ở hải ngoại cũng như thanh niên ở vài tỉnh miền Nam Trung Quốc như Hồ Nam, đảo Hải Nam đều ăn trầu hiện đại trong khi dân Đài Loan lại chủ yếu ăn trầu truyền thống. Mức nghiện và khả năng gây ung thư miệng của miếng trầu hiện đại nặng hơn nhiều so với miếng trầu truyền thống.

2. Xin xem chi tiết tại Nguyễn Xuân Hiến. Le pot à chaux vietnamien - Réalités et mythes de son utilisation et de sa production. **Péninsule**, 2007, XXXVIII ième Année, Nouvelle série, No.55, pp.19-80.
3. Cảnh Đức trấn là trung tâm chính sản xuất đồ sứ của Trung Quốc. Có lẽ những lò sứ ở đây đã bắt đầu hoạt động từ đời Đường (618-906) và còn tiếp tục cho đến nay. Đây là một trong *tứ đại trấn* (bốn thị trấn nổi tiếng [của Trung Quốc]), nguyên tên là Xương Nam trấn. Đời Tống Chân Tông nhà Bắc Tống (960-1127) nhà vua quá sủng ái các sản phẩm sản xuất tại đây nên đã bắt Xương Nam trấn cải tên là Cảnh Đức trấn, theo niên hiệu của chính nhà vua. Từ đó, tên của trấn này nổi như cồn: sản phẩm chất lượng cao, men hoa lam (blue-and-white). Đỉnh cao danh vọng là vào đời nhà Nguyên (1280-1358). Phía bắc Cảnh Đức trấn, trên núi Cao Lĩnh, có mỏ cao lanh trắng tuyệt hảo dùng làm nguyên liệu làm đồ sứ.
4. Xin xem thêm Chapter 1. The Evolution of the Vietnamese Lime-pot trong Nguyễn Xuân Hiến. **Vietnamese Lime-pots in their Evolutionary Perspective**. White Lotus Press, Bangkok, Thái Lan (đang in).

Cụ Vương cổ ngoạn có kể một giai thoại về việc Cống Quỳnh sáng tạo ra chiếc quai cho ông bình vôi, nguyên văn truyện tiểu lâm này như sau (Vương Hồng Sển 1950: 60): “Một ngày kia, để trả đũa một ông thợ gốm Trung Quốc đã chơi ông một cú, ông trạng cười [Việt Nam] Cống Quỳnh đặt ông thợ gốm làm cho nước mình một loại bình mới mà Trung Quốc không biết cách sử dụng. Cống Quỳnh vẽ cả hình loại bình đó. Dựa vào mẫu đó, ông thợ gốm đem nung một số lượng lớn những bình kín như bưng và chỉ có một lỗ nhỏ bằng đồng xu đồng. Ngoài ra, theo đặt hàng của Cống Quỳnh, ông thợ không quên làm cho mỗi bình một cái quai để tiện dụng. Đột nhiên một trận lũ làm cho cả vùng điều đứng. Ông thợ gốm bị thiệt mạng trong vụ đó nhưng những bình do Cống Quỳnh đặt làm mà chưa lấy, nổi lên khắp nơi... Sau khi nước rút, dân trở về nhà, thu dọn của nả và cũng không quên mỗi người nhặt một bình, đó là bình vôi nổi tiếng của Việt Nam mà dân sở tại hoàn toàn không biết cách dùng. Sau đó, không biết làm gì với những ‘của nợ’ này, họ nghĩ ông thợ gốm đã ‘chơi khăm’ họ, họ tặng ông thợ những lời dịu ngọt mà chỉ bọn hàng tôm hàng cá khắp các nước mới biết. Tiếp theo, họ bán những bình đó với giá rẻ mạt cho dân Việt. Nhờ Cống Quỳnh nhiều mảnh khỏe nên dân Việt được hai cái lợi trong vụ này: họ lấy được từ bọn người Hoa giấy một loại đồ mà họ không làm được, những bình vôi đủ kiểu làm bằng sứ hảo hạng với họa tiết tuyệt đẹp mà lại với giá rẻ không đâu bằng.”

Cống Quỳnh là một nhân vật hư cấu trong văn học dân gian, các truyện cười có ông tham gia phần lớn đều vào thời vua Lê chúa Trịnh (thế kỷ 16-18, ông bình vôi của chúng ta đã có quai từ thế kỷ 13-14, nghĩa là từ lâu trước thời này) và chỉ có bối cảnh ở trong nước. Không thấy ở đâu một truyện tương tự như truyện cụ Vương kể. Từ năm 1950 đến nay cũng không thấy ai, cả trong giới Pháp thoại, nhắc đến truyện trên. Trong **Tạp bút năm Nhâm Thân 1992 - Di cảo**, (2003: 231) cụ Vương cho biết thêm, “Năm 1931, tôi [VHS] đã thấy tại nhà một cai tổng Đồng Tháp Mười ... ông cai tổng Lê Đình Quảng nói, ông [VHS] biết hôn, bình vôi thứ này có quai xách là thứ ngày xưa gái về nhà chồng xách theo để ‘gây dựng gia đình’, tôi [LĐQ] nghe nói lại rằng thuở ông Cống Quỳnh sang bên Tàu, ông thường qua sông lớn bằng đò mà ông ít trả tiền, chủ đò mà cũng là chủ lò làm đồ gốm, nhiech ông, và ông trác, đặt làm mà không lấy, sau xứ có lụt lớn, bình vôi

miệng tum hùm này trôi lênh khênh, thiên hạ vớt về không biết dùng vào chỗ nào, chửi vung chửi đổng, đó là kể độc của Cống Quỳnh.

Loại khác không quai xách là loại để ở nhà dùng...".

5. Theo hồ sơ của Bảo tàng Spode thì nhãn hiệu Copeland & Garrett được dùng từ 1833 đến 1847. Chúng tôi nghĩ, ông bình vôi được sản xuất trong khoảng từ 1840 (năm có phái bộ ta sang Anh) đến chậm nhất 1847. Huet theo tài liệu cũ nên đề 1835-47.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Huet, C. Contribution à l'étude de la céramique en Indochine. Les pots à chaux, les pipes à eau. **Bulletin des Musées Royaux d'Art et d'Histoire**, 1941, No. 4, pp. 74-84.
- (2) Jabouille, P. and Peysonnaux, J.-H. Sélection d'objets d'art et de meubles au musée Khải Định. **Bulletin des Amis du Vieux Hué**, 1929, Vol. 16, No. 2, Plate XXX, No. 4.
- (3) Oxenham, M. and N. Tayles, eds. **Bioarchaeology of Southeast Asia**. Cambridge Studies in Biological and Evolutionary Anthropology, No. 43. Cambridge: Cambridge University Press, 2002. pp. 208-10.
- (4) Peysonnaux, J.-H. Carnet d'un collectionneur. Anciennes céramiques anglaises en Annam. **Bulletin des Amis du Vieux Hué**, 1922, No. 2, pp. 103-30.
- (5) Vương Hồng Sển. Notes d'un collectionneur: II. La chique de bétel et les pots à chaux anciens du Viet-nam. **Bulletin de la Société des Études Indochinoises**, 1950, Nouvelle serie, No. 1, pp. 3-11.
- (6) Vương Hồng Sển. Về phương pháp chơi đồ cổ. *Trong Tạp bút năm Nhâm Thân [1992] - Di cảo*. Sài Gòn: Nxb Trẻ, 2003, pp. 88-91.
- (7) Vương Hồng Sển. Chóe rượu, gối dựa, bình vôi có quai xách. *Trong Tạp bút năm Nhâm Thân [1992] - Di cảo*. Sài Gòn: Nxb Trẻ, 2003, pp. 230-48.
- (8) Woolliscroft, P. **Publication of the Spode Society**, 2002, Vol. 2, p. 582.

TÓM TẮT

Ông bình vôi Việt Nam hoàn toàn khác những đồ đựng vôi ăn trầu của các nước láng giềng. Ông bình vôi được sản xuất và sử dụng tại chỗ. Nhưng từ cuối thế kỷ 18 ông bình vôi cũng có thể được đặt để sản xuất tại Trung Quốc. Thông tin về 5 ông bình vôi sản xuất tại Anh đã được thu thập và so sánh. Hai ông đang bị thất lạc. Ba ông còn lại đã được đo đếm và khảo tả. Những ông này đều có quai vững chãi hình cung, tai quai lớn, cong, thân bình hình cầu, miệng bình nhỏ, tròn vo, chân đế đặc. Minh văn có các chữ Copeland & Garrett, hình vương miện và những chữ chỉ nguyên liệu (New Fayence) hoặc màu men (Saxon Blue). Thai cốt trắng, men sứ trắng với trang trí hoa lá sắc sỡ, vẽ tỷ mỹ theo khuynh hướng tả thực. Rất có thể năm ông này được sản xuất từng ông một theo hai nguyên mẫu Trung Quốc, tại lò gốm Spode tại Stoke-on-Trent trong các năm từ 1840 đến chậm nhất là 1847.

ABSTRACT

BRITISH-MADE LIME-POTS FOR VIETNAM

Betel chewing is a time-honoured custom in Vietnam. The lime-pot is the crucial component of the betel service used by betel chewers. Vietnamese lime-pots do not resemble the lime containers used in neighbouring countries; they are unique in materials, dimensions, and shape, in decorative styles, motifs, and materials, and in inscriptions. The utmost of lime-pots were produced and used locally but from the late 18th century, lime-pots were commissioned in China, too. Five British-made lime-pots are inventoried, among them two are missing; the three others are in Huế Museum of Royal Antiquities, Vietnam History Museum (HCM city) and in Trần Đình Sơn Collection (HCM city). These artefacts share the same circle-shaped handle, prominent curve ears, sharp nipple, globe-shaped body, round and small spatula-hole, polychrome realistic summer flowers decoration and filled-up base. The inscription on some pot's bottom reads Copeland & Garrett and New Fayence or Saxon Blue... They are supposedly produced upon, at least, two Chinese prototypes, between 1840 and 1847 in Spode Potteries, Stoke-on-Trent, UK.